

Số: /KL-TTT

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 10 năm 2021

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc thực hiện Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 19/4/2018
của Chủ tịch UBND tỉnh trên địa bàn thị xã Đức Phổ

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010; Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Xét báo cáo kết quả thanh tra việc thực hiện Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi trên địa bàn thị xã Đức Phổ (*sau đây viết tắt là Chỉ thị 09*) tại Báo cáo số 03/BC-ĐTTr ngày 24/6/2021 của Trưởng đoàn thanh tra được thành lập tại Quyết định số 175/QĐ-TTT ngày 13/11/2020 của Chánh thanh tra tỉnh Quảng Ngãi; các báo cáo giải trình của các cơ quan liên quan, Chánh Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC THANH TRA

1. Thị xã Đức Phổ có 15 đơn vị hành chính cấp xã (*gồm 08 phường và 07 xã*). Tổng diện tích tự nhiên là 37.610,3 ha, trong đó: đất nông nghiệp là 30.519,5 ha (*chiếm 81,15 % tổng diện tích tự nhiên*); đất phi nông nghiệp là 6.243,8 ha (*chiếm 16,60 % tổng diện tích tự nhiên*); đất chưa sử dụng là 847,0 ha (*chiếm 2,25% tổng diện tích tự nhiên*).

2. UBND thị xã Đức Phổ đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị 09; tổ chức lập hệ thống hồ sơ quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng theo Hướng dẫn số 3869/HD-STNMT ngày 22/8/2018 và sau đó được thay thế bởi Hướng dẫn kỹ thuật số 2704/HDKT-STNMT ngày 06/8/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường (*sau đây viết tắt là Hướng dẫn 3869 và Hướng dẫn 2704*).

Kết quả thực hiện đã giúp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng quỹ đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng; khắc phục dần những tồn tại, hạn chế, yếu kém trong việc quản lý, sử dụng các quỹ đất này.

II. KẾT LUẬN CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC THANH TRA

1. Việc chỉ đạo, triển khai thực hiện Chỉ thị 09 thuộc trách nhiệm của UBND thị xã:

Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ (*nay là thị xã Đức Phổ*) đã ban hành các văn bản¹ để chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị 09, ban hành các quyết

¹ Công văn: số 1569/UBND ngày 30/5/2018; số 3633/UBND ngày 08/11/2018; số 1187/UBND ngày 04/5/2020; số 2754/UBND ngày 29/9/2020; số 28/UBND ngày 08/01/2021.

định² để phê duyệt, điều chỉnh Kế hoạch đo đạc, lập hệ thống hồ sơ quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý; đã thành lập Ban chỉ đạo³ của huyện nhưng thời gian thành lập vào tháng 12/2018 là chậm trễ so với chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Chỉ thị 09.

Ban chỉ đạo đã chỉ đạo các đơn vị báo cáo định kỳ trước ngày 27 hàng tháng, Trưởng Ban chỉ đạo đã chủ trì nhiều cuộc họp trực báo để đôn đốc và giải quyết, xử lý các vấn đề liên quan đến việc rà soát, tổng hợp, lập hồ sơ quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND các xã, thị trấn quản lý, sử dụng trên địa bàn. Tuy nhiên Ban chỉ đạo chưa xây dựng Quy chế hoạt động để làm cơ sở thực hiện, việc ban hành kế hoạch rà soát, tổng hợp (*Quyết định 4769/QĐ-UBND ngày 12/12/2018*) còn chậm so với yêu cầu tại Chỉ thị số 09, chưa quan tâm đúng mức và còn thiếu giải pháp hiệu quả trong đôn đốc, kiểm tra nhằm thúc đẩy việc thực hiện của các xã, thị trấn.

Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo, đã tham mưu UBND huyện và trực tiếp ban hành nhiều văn bản⁴ hướng dẫn UBND các xã, thị trấn trong việc thực hiện; báo cáo tiến độ, những vướng mắc khó khăn gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để kịp thời có hướng dẫn xử lý, tháo gỡ. Tuy nhiên chưa thể hiện hết vai trò, trách nhiệm là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo, không tham mưu ban hành Quy chế hoạt động, chậm đề xuất giải pháp hiệu quả để thúc đẩy việc thực hiện trên địa bàn, dẫn đến chậm hoàn thành Chỉ thị 09 theo yêu cầu của UBND tỉnh.

Tại 04⁵ đơn vị cấp xã được thanh tra đều đã thành lập Tổ công tác⁶ của xã nhưng về thời gian thành lập thì còn chậm trễ, chưa kịp thời. Qua thanh tra cho thấy các Tổ không xây dựng quy chế làm việc, Tổ trưởng đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, chỉ đạo trực tiếp hoạt động và báo cáo tiến độ thực hiện Chỉ thị 09 thông qua các cuộc họp của UBND cấp xã. Tuy nhiên đều không có hồ sơ lưu trữ về quá trình chỉ đạo, điều hành và hoạt động của Tổ. Tại xã Phở Khánh và phường Phở Hòa, Tổ công tác chưa kịp thời xây dựng, trình UBND cấp xã ban hành kế hoạch chi tiết để rà soát, tổng hợp, lập hồ sơ quản lý đất công ích và các loại đất sản xuất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng; việc thông báo công khai các kế hoạch họp dân để nhân dân biết, phối hợp thực hiện chưa đầy đủ theo Hướng dẫn 2704. Khi có sự thay đổi các chức danh Chủ tịch UBND xã, phường, công chức địa chính - xây dựng, xã Phở Khánh và phường Phở Hòa chưa kịp thời kiện toàn Tổ công tác; cả 04 đơn vị đều chưa thực hiện đầy đủ việc lập biên bản bàn giao hồ sơ quỹ đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND xã quản lý, sử dụng để quản lý được chặt chẽ và có hệ thống khi có sự thay đổi, cán bộ, công chức.

² Tại Quyết định số 4769/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 và Quyết định số 5283/QĐ-UBND ngày 28/12/2018.

³ Quyết định số 4870/QĐ-UBND ngày 18/12/2018.

⁴ Các Công văn: số 37/TNMT ngày 20/02/2020; số 84/TNMT ngày 08/4/2020; số 142/TNMT ngày 25/6/2020; số 130/TNMT ngày 28/4/2020; số 96/TNMT ngày 20/4/2020.

⁵ Phở Khánh, Phở Hòa, Phở Quang và Phở Minh.

⁶ Xã Phở Khánh: Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 31/12/2018; Phường Phở Hòa: Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 28/12/2018; Phường Phở Quang: Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 31/12/2018; Phường Phở Minh: Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 31/12/2018.

2. Việc lập Đề cương, nhiệm vụ và dự toán cho Dự án hệ thống hồ sơ quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp do UBND cấp xã quản lý, sử dụng trên địa bàn; việc bố trí và sử dụng kinh phí ngân sách địa phương để thực hiện Dự án:

Chủ tịch UBND thị xã đã phê duyệt⁷ Kế hoạch đo đạc, lập hệ thống hồ sơ quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, xác định khối lượng tạm tính là 871,963 ha tương ứng với 6.522 thửa đất, tổng kinh phí dự kiến là 4 tỷ đồng từ Ngân sách huyện. Qua rà soát, khối lượng cần thực hiện tăng lên (*tổng khối lượng cần thực hiện là 2.508,73 ha tương ứng 21.139 thửa, trong đó 10.885 thửa cần đo đạc, chỉnh lý riêng từng thửa đối với các thửa đất biến động và 10.254 thửa đất cần trích lục hồ sơ địa chính thửa đất*), do đó Chủ tịch UBND thị xã đã ban hành Quyết định số 5283/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 thay thế Quyết định số 4769/QĐ-UBND, tổng kinh phí thực hiện là 14,3 tỷ đồng từ Ngân sách huyện. Tiến độ thực hiện Dự án được điều chỉnh đến Quý IV năm 2020 tại Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của Chủ tịch UBND thị xã.

UBND các xã, thị trấn đã lập đề cương, nhiệm vụ và dự toán lập Dự án trình thẩm định. Tháng 5/2019, UBND thị xã đã ban hành các quyết định⁸ phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán lập Dự án với tổng dự toán là 13.086,769 triệu đồng. Tuy nhiên ngày 19/8/2019, UBND tỉnh có Công văn số 4633/UBND-NNTN chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đơn giá dự toán, gửi Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt để làm căn cứ cho UBND cấp huyện chỉ đạo việc lập, thẩm định, phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí làm cơ sở thực hiện và thanh, quyết toán, do đó Đề cương nhiệm vụ và dự toán đã duyệt chưa thực hiện. Sau khi có chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh⁹, UBND 15 xã, phường phối hợp với đơn vị tư vấn lập lại Đề cương nhiệm vụ, dự toán lập Dự án đề nghị cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Trên cơ sở tham mưu và thẩm định của phòng chuyên môn, UBND thị xã đã phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán lập Dự án với tổng dự toán là 13.056,347 triệu đồng¹⁰, nguồn vốn Ngân sách huyện, giao cho UBND các xã, phường làm chủ đầu tư; bố trí kinh phí, phê duyệt các kế hoạch lựa chọn nhà thầu để các xã, phường tổ chức thực hiện.

Đến thời điểm thanh tra Dự án vẫn còn đang thực hiện, UBND các xã, phường chỉ thanh toán một phần chi phí theo các hợp đồng đã ký kết, chưa quyết toán do đó Đoàn thanh tra không thanh tra chi tiết nội dung này tại 04 xã.

⁷ Tại Quyết định số 4769/QĐ-UBND ngày 12/12/2018.

⁸ Từ số Quyết định số 1902/QĐ-UBND đến số 1916/QĐ-UBND ngày 30/5/2019.

⁹ Công văn số Công văn số 57/UBND-NNTN ngày 07/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thống nhất đơn giá thực hiện theo Quyết định 808/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 của UBND tỉnh trong việc lập Đề cương và dự toán hệ thống hồ sơ quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng

¹⁰ Thị trấn Đức Phổ: 312.204.000 đồng; Phổ Vĩnh: 438.630.000 đồng; Phổ Hòa: 743.194.000 đồng; Phổ Thuận: 1.353.228.000 đồng; Phổ Quang: 234.312.000 đồng; Phổ Khánh: 1.483.553.000 đồng; Phổ Nhơn: 953.559.000 đồng; Phổ An: 828.281.000 đồng; Phổ Minh: 589.925.000 đồng; Phổ Cường: 1.675.958.000 đồng; Phổ Văn: 1.561.207.000 đồng; Phổ Phong: 1.056.016.000 đồng; Phổ Ninh: 1.602.614.000 đồng; Phổ Châu: 106.532.000 đồng; Phổ Thạnh: 117.134.000 đồng.

Qua thanh tra cho thấy UBND thị xã đã quan tâm bố trí kinh phí để thực hiện Chỉ thị 09 trên địa bàn, tuy nhiên việc triển khai còn chậm, làm ảnh hưởng đến tiến độ chung phải hoàn thành Chỉ thị 09 trên địa bàn.

3. Kết quả lập hệ thống hồ sơ quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng theo Hướng dẫn 2704:

3.1. Đối với việc thu thập, đánh giá hồ sơ, tài liệu:

Về thu thập tài liệu, UBND các xã, phường đã thực hiện cơ bản đúng theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên do tồn tại lịch sử để lại nên hồ sơ tài liệu thu thập được không toàn diện và đầy đủ¹¹.

Về phân tích, đánh giá tài liệu: đơn vị tư vấn đã lập các báo cáo kết quả thu thập thông tin tài liệu nhưng không có xã, phường nào gửi báo cáo kết quả thu thập thông tin, tài liệu cho Phòng Tài nguyên và Môi trường theo dõi, tổng hợp. Kết quả thanh tra tại các đơn vị cho thấy tài liệu thu thập được có ghi nhận các thông tin (*về diện tích, số thửa, tờ bản đồ, hiện trạng sử dụng đất*) của các thửa đất nông nghiệp do UBND cấp xã quản lý và việc theo dõi cho thuê, giao đất... nhưng, do tài liệu có nhiều nguồn khác nhau, tính pháp lý và nội dung thông tin còn chưa đảm bảo¹² nên công tác đánh giá, phân tích có khó khăn, dẫn đến chậm trễ, nội dung thông tin chưa đảm bảo chất lượng để phục vụ cho các thủ tục tiếp theo. Hệ quả là các Phụ lục số 01, 06, 07 còn thiếu sót, chưa đầy đủ về số thửa, tổng diện tích so với tổng diện tích đất nông nghiệp do UBND các xã, phường quản lý sử dụng; việc xác lập thông tin, tình trạng pháp lý, loại đất của các thửa đất tại Phụ lục số 06, 07 còn nhiều thửa chưa đảm bảo chính xác với thực tế sử dụng và quá trình biến động của từng thửa đất, đều có sai sót tại cả 04 đơn vị cấp xã được nêu cụ thể ở phần sau.

3.2. Đối với công tác đo đạc bổ sung, chỉnh lý biến động bản đồ:

Phòng Tài nguyên và Môi trường báo cáo công việc đo đạc bổ sung, chỉnh lý biến động bản đồ theo Hướng dẫn 2704 đối với 15/15 xã, phường đã hoàn thành. UBND các xã, phường và đơn vị thi công đã thực hiện việc kiểm tra, nghiệm thu các hồ sơ tài liệu ở bước đo đạc bổ sung, chỉnh lý bản đồ. Phòng Tài nguyên và Môi trường chưa thực hiện thẩm định hồ sơ nghiệm thu, nguyên nhân là do đang triển khai dở dang. Qua thanh tra tại 04 xã, phường cho thấy các bản đồ địa chính theo mẫu Phụ lục số 01 còn có một số sai sót¹³, đến thời điểm hiện

¹¹ Bản đồ địa chính đo vẽ theo Dự án Đa dạng hóa năm 2006; sổ địa chính; sổ mục kê biến động qua các năm 1993, 2006; sổ mục kê năm 2006; các hợp đồng cho thuê đất được UBND cấp xã xác lập với tổ chức, cá nhân.

¹² Phương án giao đất theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ ở các địa phương không có hoặc chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhiều diện tích đất công ích không được xác lập hợp đồng cho thuê, các tài liệu thu thập được có tính đa dạng, trải dài qua các thời kỳ lịch sử, tùy thuộc vào hồ sơ địa chính và đặc thù công tác quản lý đất đai của từng địa phương; nhiều tài liệu đã cũ, bị rách, có độ chính xác không cao, chưa đủ tin cậy để xác định chính xác số liệu từng loại đất (*xác định thửa đất nào là đất công ích, thửa đất nào là đất nông nghiệp khác*); nhiều tài liệu chưa được cấp có thẩm quyền xác nhận, đóng dấu.

¹³ Tại xã Phổ Khánh và phường Phổ Hòa: tô màu các thửa không đúng Hướng dẫn 2704; thông tin các thửa đất không đúng với sổ mục kê...; Tại phường Phổ Minh: kiểm tra mẫu một số thửa đất nông nghiệp do UBND phường quản lý, sử dụng mà chưa xác định đầy đủ hồ sơ pháp lý thì chưa được tô màu theo Hướng dẫn 2704 (*thửa số 1061, diện tích 127m², loại đất BHK; thửa số 1062, diện tích 253m², loại đất LUC; thửa số 1074, diện tích 860m², loại đất LUC; thửa số 1173, diện tích 3489m², loại đất LNK, cùng thuộc Tờ Bản đồ địa chính số 10*) và thửa đất số 63, diện tích 1.156m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 15 đã được đo vẽ, tổng hợp vào Phụ lục số 06

nay, UBND 04 xã, phường đã chỉ đạo đơn vị thi công khắc phục, chỉnh sửa theo quy định.

3.3. Đối với công tác kê khai đăng ký, xét duyệt hồ sơ:

Đến thời điểm thanh tra, trên địa bàn thị xã đã hoàn thành việc kê khai đăng ký tại 12/15 xã, phường, xác định khối lượng đất công ích: 6.097 thửa, diện tích 508,03ha; đất nông nghiệp khác do UBND xã quản lý: 9.796 thửa, diện tích 906,28ha. Các xã, phường vẫn chưa hoàn chỉnh hồ sơ tài liệu để gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định, dẫn đến vẫn chưa thực hiện các nhiệm vụ tiếp theo liên quan đến công tác lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, kiểm tra, nghiệm thu, giao nộp sản phẩm hồ sơ công trình, dự án.

Qua kiểm tra mẫu một số hồ sơ tại 04 xã, phường cho thấy: Việc họp khu dân cư đã hoàn thành nhưng do hạn chế về biên chế nên Phòng Tài nguyên và Môi trường không cử đại diện tham dự đầy đủ các buổi họp khu dân cư cùng với UBND các xã, phường. Việc lập, xác nhận các đơn đăng ký cơ bản đảm bảo đúng các thông tin theo Hướng dẫn 2704, tuy nhiên ngày tháng lập, ngày tháng xác nhận đơn chưa được ghi đầy đủ; hồ sơ kê khai đăng ký còn thiếu danh sách các thửa đất cùng một người sử dụng, quản lý theo Phụ lục số 09 kèm theo Hướng dẫn 2704.

3.4. Kết quả thanh tra tại 04 xã, phường trong việc kê khai, đăng ký lập hệ thống hồ sơ quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác:

Qua kiểm tra mẫu hồ sơ địa chính của một số thửa đất và đối chiếu với Sổ mục kê đất đai còn lưu trữ tại địa phương cho thấy, UBND các xã, phường và đơn vị thi công rà soát, lập Phụ lục số 06 và Phụ lục số 07 còn thiếu sót, chưa đầy đủ về số thửa, tổng diện tích so với tổng diện tích đất nông nghiệp do UBND cấp xã quản lý, sử dụng, đồng thời việc xác định tình trạng pháp lý của các thửa đất do UBND cấp xã quản lý, sử dụng còn có trường hợp chưa chính xác. Từ đó dẫn đến việc kê khai đăng ký, thẩm định thông qua hồ sơ và xác nhận vào đơn đăng ký ở các bước tiếp theo chưa đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, cụ thể:

- Phường Phổ Hòa:

+ Có 02¹⁴ thửa đất nông nghiệp khác do UBND phường quản lý chưa được tổng hợp vào Phụ lục số 07.

+ Chưa xử lý dứt điểm 16 thửa đất công ích với diện tích 18.012m² nhưng hiện trạng đã được UBND xã Phổ Cường tổ chức đấu giá để cho thuê.

- Phường Phổ Minh:

nhưng không tô màu...; Tại phường Phổ Quang: Có 02 thửa đất công ích được UBND phường ký hợp đồng cho thuê đã đưa vào Phụ lục 06 nhưng trên Phụ lục số 01 không tô màu (gồm thửa 147, diện tích 1.734m², loại đất BHK và thửa 149, diện tích 673m², loại đất BHK, cùng thuộc tờ bản đồ số 08).

¹⁴ (1) theo Sổ mục kê lập năm 1993 thể hiện thửa đất số 41, tờ bản đồ số 3, diện tích 1896m², loại đất màu, ghi chủ sử dụng đất UBND xã nhưng sổ mục kê lập năm 2006 thể hiện là thửa đất số 329, tờ bản đồ số 26, diện tích 2310m², loại đất Trảng trại, ghi chủ sử dụng đất UBND xã; (2) theo sổ mục kê lập năm 2006 thửa đất số 294, tờ bản đồ số 26, diện tích 384m², loại đất BHK.

+ Kiểm tra mẫu 05 thửa đất¹⁵ tại Tờ bản đồ số 10, đối soát với Sổ mục kê năm 2006 được cấp có thẩm quyền xác nhận vào ngày 27/11/2006 thì có 04 thửa¹⁶ xác định là đất nông nghiệp do UBND phường quản lý, sử dụng nhưng chưa được tổng hợp vào Phụ lục số 06 và Phụ lục số 07.

+ Thửa đất số 351, diện tích 1.469m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 13, theo Sổ mục kê đất đai lập ngày 27/11/2006 được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại trang 91, dòng thứ 16 tính từ dưới lên thể hiện ở cột ghi tên người sử dụng đất là hộ Lê Văn Đào nhưng trên thực tế UBND phường ký hợp đồng cho thuê đất với người dân và tổng hợp vào Phụ lục số 06.

- Phường Phổ Quang:

+ Kiểm tra ngẫu nhiên 03/20 hợp đồng cho thuê đất công ích của UBND phường cho thấy thửa số 75, diện tích 9.263m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 8 chưa được UBND phường đưa vào Phụ lục 06 hoặc Phụ lục số 07 của Hướng dẫn 2704.

+ Có 05 thửa¹⁷ vừa được tổng hợp vào Phụ lục số 06, vừa được tổng hợp vào Phụ lục số 07.

4. Việc xây dựng phương án dồn điền, đổi thửa để tạo quỹ đất tập trung:

Qua thanh tra tại 04 xã, phường cho thấy các địa phương chưa xây dựng phương án dồn điền, đổi thửa quỹ đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND xã quản lý, sử dụng để tạo thành quỹ đất tập trung, kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Nguyên nhân chưa thực hiện là do khi thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, các xã, phường để lại quỹ đất công ích có diện tích manh mún, nhỏ lẻ, nằm phân tán; trong khi đó công tác dồn điền, đổi thửa hiện nay chỉ tập trung ở những vùng thuận lợi, liên vùng để tạo ra cánh đồng lớn nên diện tích đất công ích để lại không được đưa vào vùng quy hoạch để dồn điền đổi thửa.

5. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thu được từ việc cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích đất công ích:

Hàng năm, UBND các xã, phường đã tổ chức đấu giá, thực hiện ký Hợp đồng cho thuê đất công ích với các hộ dân có nhu cầu, thời hạn không quá 05 năm có thu tiền thuê đất. Việc thu tiền đều được lập Phiếu thu, công chức Tài chính - Kế toán có xác lập Sổ theo dõi thu tiền đất công ích, đã thực hiện nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền thu được của năm 2018, 2019, 2020. Tiền thu được từ nguồn này được UBND các xã, phường chi cho nhu cầu công ích của địa phương như tu sửa nghĩa trang liệt sỹ, các tuyến đường ở địa phương, sửa

¹⁵ Gồm thửa số 1061, diện tích 127m², loại đất BHK; thửa số 1062, diện tích 253m², loại đất LUC; thửa số 1074, diện tích 860m², loại đất LUC; thửa số 1173, diện tích 3489m², loại đất LNK, thửa số 1174, diện tích 237m², loại đất BHK.

¹⁶ Gồm thửa số 1061, diện tích 127m², loại đất BHK; thửa số 1062, diện tích 253m², loại đất LUC; thửa số 1074, diện tích 860m², loại đất LUC; thửa số 1173, diện tích 3489m², loại đất LNK.

¹⁷ Gồm: thửa số 625, tờ bản đồ số 4, diện tích 1000m², loại đất LUC; thửa số 402, tờ bản đồ số 5, diện tích 6078m², loại đất CLN; thửa số 595, tờ bản đồ số 7, diện tích 1134m², loại đất LUC; thửa số 581, tờ bản đồ số 7, diện tích 894m², loại đất LUC; thửa số 469, tờ bản đồ số 4, diện tích 989m², loại đất LUC.

chữa giao thông, thủy lợi thường xuyên... Qua thanh tra tại 04 xã, phường cho thấy các xã, phường cơ bản tuân thủ theo đúng Điều 132 Luật Đất đai, tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, sai sót như sau:

- Ký kết hợp đồng cho thuê đất công ích với hộ gia đình, cá nhân chưa đúng mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Vẫn còn tình trạng người sử dụng đất đang sản xuất trên các thửa đất công ích nhưng chưa được UBND cấp xã ký kết hợp đồng cho thuê đất hoặc đã ký hợp đồng cho thuê nhưng hết thời hạn cho thuê theo hợp đồng mà chưa được xử lý (*Xã Phổ Khánh có 685 thửa; phường Phổ Hòa: hộ gia đình, cá nhân sử dụng 162 thửa; phường Phổ Minh: hộ gia đình, cá nhân sử dụng 289 thửa; phường Phổ Quang: hộ gia đình, cá nhân sử dụng 48 thửa*).

- Tại phường Phổ Hòa có 16 thửa, diện tích 18.012m² thuộc địa giới hành chính phường Phổ Hòa, do UBND phường Phổ Hòa quản lý nhưng trên thực tế đã được UBND xã Phổ Cường tổ chức đấu giá để cho thuê, việc này đã kéo dài trong nhiều năm nhưng chưa giải quyết dứt điểm.

- Vẫn còn tình trạng hộ gia đình, cá nhân canh tác, sản xuất trên các thửa đất nông nghiệp khác nhưng không có giấy tờ thể hiện việc thuê đất theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013 (*Xã Phổ Khánh: 2701 thửa; phường Phổ Hòa: 359 thửa; phường Phổ Minh: 755 thửa; phường Phổ Quang: 470 thửa*).

III. NGUYÊN NHÂN VÀ TRÁCH NHIỆM.

1. Nguyên nhân:

- Việc quản lý quỹ đất này qua các thời kỳ còn nhiều tồn tại hạn chế do lịch sử để lại, trong thời gian dài chưa được chú trọng quan tâm để có giải pháp khắc phục đúng mức; pháp luật về đất đai luôn thay đổi, quy định về quản lý và cho thuê đất đối với đất nông nghiệp khác do cấp xã quản lý còn có bất cập, chưa sát thực tiễn.

- Trình tự đấu giá cho thuê quỹ đất công ích (*hiện nay UBND tỉnh chỉ đạo áp dụng theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT mà Thông tư này chỉ quy định việc cho thuê đất thuộc thẩm quyền đối với cấp huyện, cấp tỉnh*) là quá phức tạp, qua nhiều khâu chưa phù hợp với địa phương cấp xã thực hiện (*số tiền thu được từ việc cho thuê quỹ đất công ích còn ít*) nên việc đấu giá theo quy định của Luật Đất đai còn nhiều bất cập (*chi phí lập hồ sơ, tổ chức đấu giá... lớn hơn số tiền thu được từ việc cho thuê đất*).

2. Trách nhiệm:

- Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ, Ban chỉ đạo của UBND thị xã Đức Phổ chịu trách nhiệm trong việc chậm trễ trong hoàn thành Chỉ thị 09 trên địa bàn, không ban hành quy chế hoạt động để làm cơ sở thực hiện. Trong đó, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện chịu trách nhiệm với vai trò là cơ quan tham mưu chính trong việc triển khai Chỉ thị 09 nhưng chậm tham mưu thành

lập Ban Chỉ đạo, không tham mưu ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo, chậm trễ trong hoàn thành Chỉ thị 09.

- Chủ tịch UBND 04 xã, phường được thanh tra chịu trách nhiệm trong việc chậm trễ thành lập, kiện toàn Tổ công tác cấp xã; tổ chức bàn giao hồ sơ địa chính liên quan đến quỹ đất công ích và đất nông nghiệp khác chưa chặt chẽ; ban hành các văn bản tổ chức thực hiện Chỉ thị 09 và Hướng dẫn 2704 chưa đầy đủ; lập hồ sơ hệ thống quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý sử dụng chưa tuân theo trình tự của Hướng dẫn 2704; xác lập số liệu, thông tin các thửa đất không chính xác, còn thiếu sót; tổ chức đấu giá, ký kết hợp đồng cho thuê đất công ích chưa đầy đủ; quản lý quỹ đất nông nghiệp khác do UBND xã quản lý chưa chặt chẽ giữa hồ sơ và thực tế... được nêu cụ thể trong phần kết luận các nội dung thanh tra.

IV. KIẾN NGHỊ XỬ LÝ

1. Kiến nghị biện pháp chỉ đạo xử lý thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh và các kiến nghị đối với Sở Tài nguyên và Môi trường:

Sau khi kết thúc thanh tra toàn diện việc thực hiện Chỉ thị 09 trên địa bàn tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh sẽ tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo xử lý các nội dung thuộc thẩm quyền và kiến nghị Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở trong thực hiện Chỉ thị 09 trên địa bàn tỉnh.

2. Kiến nghị Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ:

2.1. Đối với công tác chỉ đạo, điều hành:

- Tập trung đôn đốc, chỉ đạo chấn chỉnh việc thực hiện của các xã, phường trên địa bàn để đảm bảo hoàn thành Chỉ thị 09 theo đúng thời hạn UBND tỉnh yêu cầu (đã được gia hạn) và đảm bảo chất lượng.

- Chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện của UBND các xã, phường nhằm kịp thời biểu dương, khen thưởng những nơi làm tốt, xử lý nghiêm trách nhiệm những nơi làm chưa tốt để chấn chỉnh.

2.2. Đối với những vi phạm, thiếu sót phát hiện qua thanh tra:

- Chỉ đạo Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã: thường xuyên theo dõi, hỗ trợ, hướng dẫn UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ theo Chỉ thị 09, đảm bảo tiến độ đã được gia hạn; chủ động phối hợp với UBND các xã để xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND thị xã xử lý những thửa đất còn vướng mắc, chưa rõ ràng về nguồn gốc đất; tiếp tục rà soát và cập nhật, điều chỉnh bổ sung định kỳ theo nội dung Thông báo số 151/TB-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh; thẩm định hồ sơ hệ thống quản lý đất công ích và đất nông nghiệp khác do UBND các xã, phường quản lý, sử dụng đảm bảo chặt chẽ về hồ sơ pháp lý và chính xác về số liệu, đúng quy trình theo Hướng dẫn 2704.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường trên địa bàn:

+ Rút kinh nghiệm từ những sai sót, hạn chế tại 04 xã, phường được nêu trong Kết luận này để tổ chức chấn chỉnh, khắc phục xử lý dứt điểm các tồn tại

hạn chế để hình thành nên bộ hồ sơ quản lý đất nông nghiệp và đất công ích chính xác, khách quan, trung thực, đảm bảo có đủ pháp lý.

+ Kiểm tra, xác minh lại hồ sơ địa chính của các thửa đất nông nghiệp do UBND các xã, phường quản lý, sử dụng để hoàn thiện, bổ sung vào các Phụ lục số 01, 06, 07 theo đúng Hướng dẫn 2704.

+ Kiểm tra, rà soát lại các hợp đồng thuê đất đã ký giữa UBND các xã, phường và hộ gia đình, cá nhân để đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định pháp luật. Rà soát các trường hợp đất công ích chưa được UBND cấp xã cho thuê, tiếp tục triển khai đấu giá để ký hợp đồng cho thuê đất theo đúng quy định. Có biện pháp xử lý theo đúng quy định pháp luật các thửa đất nông nghiệp khác UBND cấp xã quản lý nhưng người dân đang sử dụng mà chưa có thủ tục.

- Chỉ đạo xử lý dứt điểm vụ việc 16 thửa đất công ích thuộc phường Phổ Hòa nhưng UBND xã Phổ Cường tổ chức đấu giá cho thuê; tổng hợp vào hồ sơ hệ thống quản lý theo Hướng dẫn 2704 theo đúng quy định hiện hành.

2.3. Về xem xét xử lý trách nhiệm:

- Chủ tịch UBND thị xã chỉ đạo tổ chức rút kinh nghiệm đối với các thiếu sót trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thuộc trách nhiệm của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND thị xã được phân công lĩnh vực này (nếu có) về các nội dung còn tồn tại, hạn chế đã được nêu tại Kết luận này.

- Chủ tịch UBND thị xã chỉ đạo Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các xã, phường được thanh tra tiến hành kiểm điểm làm rõ trách nhiệm cán bộ, công chức, viên chức có liên quan về những thiếu sót, sai phạm đã nêu trong Kết luận thanh tra để rút kinh nghiệm, đảm bảo không để xảy ra sai sót tương tự.

UBND thị xã Đức Phổ tổ chức niêm yết công khai Kết luận này tại đơn vị trong 15 ngày liên tục để công khai theo quy định tại Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ; sao gửi Kết luận thanh tra để gửi đến các đơn vị hành chính cấp xã và các cơ quan liên quan để tổ chức thực hiện.

Sau 30 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra, phải báo cáo kết quả thực hiện Kết luận, kiến nghị cho Thanh tra tỉnh để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- PCT UBND tỉnh (Trần Phước Hiền);
- UBKT Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Đức Phổ;
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Phòng NV1, NV5;
- Lưu: VT, Đoàn thanh tra.

CHÁNH THANH TRA

Trà Thanh Danh